

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đào

2. Bà Phan Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Phương T, sinh năm 1985.

- Bị đơn: Anh Ngô Thanh B, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp BR, xã TĐ, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị T và anh B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Hồ Thị Phương T trình bày:

Chị và anh Ngô Thanh B chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ tuyên bố và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD vào năm 2009, sau khi kết hôn anh chị về quê anh B tại huyện AP,

tỉnh AG sinh sống được 01 năm rồi chuyển về quê chị tại ấp BR, xã TĐ, huyện GD sinh sống cho đến nay.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B có quan hệ bất chính với người khác, khi về nhà thì dùng nhiều lời thô tục để chửi và đánh chị, thậm chí còn hăm dọa sẽ giết chị. Do vợ chồng chị làm công nhân cạo mũ cao su nên hay đi làm xa nhà, thời gian cạo mũ bên nước Lào anh B đánh chị gây nhiều thương tích bị công an nơi đây mời làm việc, sau khi về Việt Nam đi làm tại huyện TB, tỉnh TN anh B vẫn tiếp tục đánh chị gây nhiều thương tích, gia đình chị can ngăn thì bị anh B chửi thô tục. Đến năm 2021 anh B chính thức bỏ nhà đi chung sống với người phụ nữ khác, khi Tòa án đang giải quyết thì anh B có về nhà ban đêm, đập phá cửa, hăm dọa sẽ giết chị nên làm chị rất hoảng sợ. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 27-5-2005 hiện cháu đang học chữ và năng khiếu tại tỉnh BD, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Ngô Thanh B: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi đến Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chị T, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh B chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Phương T đối với anh Ngô Thanh B. Về con chung: Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 27-5-2005 tính đến ngày xét xử vụ án đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh B chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ tuyên bố và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện GD vào năm 2009 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn với anh B Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T: Theo chị T thì anh B có quan hệ bất chính với người khác nên khi về nhà dùng nhiều lời thô tục để chửi chị, đánh đập chị nhiều lần gây thương tích, thậm chí anh B còn bị Công an làm việc do đánh chị, đến năm 2021 anh B bỏ nhà ra đi đến nay để chung sống với người phụ nữ khác. Đối với anh B, đã được triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, chứng tỏ không có thiện chí để đoàn tụ, chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Cho thấy, anh chị không có thiện chí để đoàn tụ do mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh B là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 27-5-2005, tính đến ngày xét xử vụ án là ngày 05-6-2023 thì cháu D đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết đối với yêu cầu nuôi con của chị T.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Phương T đối với anh Ngô Thanh B. Chị T được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Cháu Ngô Thị Thùy D, sinh ngày 27-5-2005 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0025196 ngày 15-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã TĐ (177/2009);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên